

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2021-2022

(XEM THEO STT DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN)

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bản trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLBT	Ghi chú
1	002	10C10	Phạm Tiến An	12/07/2006	0			X	
2	003	10C11	Nguyễn Đoàn Phương An	08/11/2005	0			X	
3	004	10C01	Nguyễn Ngọc Bảo An	27/12/2006	1		X	X	
4	005	10C03	Hà Trọng Huy An	18/11/2006	0		X	X	
5	006	10C02	Phạm Nguyễn Phúc An	16/02/2006	0		X	X	
6	007	10C05	Võ Quốc An	23/09/2006	0	X	X	X	
7	008	10C12	Nguyễn Hoài An	13/10/2006	0				
8	009	10C07	Phạm Huỳnh Thủy An	17/08/2006	1	X	X	X	
9	010	10C14	Nguyễn Trọng Thiên Ân	12/06/2006	1			X	
10	011	10C13	Phan Hoàng Ân	12/09/2006	0			X	
11	012	10C03	Đỗ Minh Ân	04/03/2006	0		X	X	
12	013	10C01	Ngô Nguyễn Hồng Ân	09/08/2006	1		X	X	
13	014	10C06	Phạm Thiên Ân	26/08/2006	0	X	X	X	
14	015	10C05	Phan Hồng Ân	07/02/2006	1	X	X	X	
15	016	10C09	Đoàn Phương Thiên Ân	01/01/2006	1			X	
16	017	10C05	Lê Thiên Ân	27/03/2006	0	X	X	X	
17	018	10C05	Nguyễn Thiên Ân	07/05/2006	0	X	X	X	
18	019	10C05	Lê Hải Quỳnh Anh	28/12/2006	1	X	X	X	
19	020	10C12	Lê Huỳnh Minh Anh	29/03/2006	1			X	
20	021	10C06	Phùng Vân Anh	17/02/2006	1	X	X	X	
21	022	10C07	Phạm Ngọc Minh Anh	16/09/2006	1	X	X	X	
22	023	10C10	Vũ Thị Minh Anh	02/09/2006	1			X	
23	024	10C02	Đinh Doãn Bảo Anh	27/11/2006	0		X	X	
24	025	10C07	Đỗ Nguyễn Vân Anh	10/07/2006	1	X	X	X	
25	026	10C09	Hồ Ngọc Kim Anh	07/04/2006	1			X	
26	027	10C09	Lý Mỹ Anh	18/02/2006	1			X	
27	028	10C14	Phạm Tuấn Anh	20/06/2006	0			X	
28	029	10C13	Trần Ngọc Lan Anh	14/12/2006	1			X	
29	030	10C07	Trần Nguyễn Tuyết Anh	18/01/2006	1	X	X	X	
30	031	10C07	Trần Phương Anh	03/04/2006	1	X	X	X	
31	032	10C07	Bùi Ngọc Anh	26/06/2006	1	X	X	X	
32	033	10C09	Tăng Ngọc Minh Anh	25/02/2006	1			X	
33	034	10C09	Trần Thị Kim Anh	18/08/2006	1			X	
34	035	10C07	Lê Ngọc Phương Anh	31/05/2006	1	X	X	X	
35	036	10C10	Nguyễn Ngọc Phương Anh	20/02/2006	1			X	
36	037	10C07	Phạm Ngọc Tuyết Anh	08/03/2006	1	X	X	X	
37	039	10C11	Hồ Ngọc Kỳ Anh	09/08/2005	1			X	
38	040	10C07	Phạm Ngọc Anh	09/04/2006	1	X	X	X	
39	041	10C12	Trần Hoàng Phương Anh	30/07/2006	1				
40	042	10C04	Ngô Quỳnh Anh	24/01/2006	1		X	X	
41	043	10C04	Nguyễn Vũ Hải Anh	09/06/2006	1	X	X	X	
42	044	10C04	Ngô Trần Quốc Anh	14/09/2006	0		X	X	
43	045	10C01	Đặng Huỳnh Bảo Anh	28/09/2006	0		X		
44	046	10C09	Hoàng Thị Ngọc Anh	09/02/2006	1			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
45	047	10C08	Ngô Nguyễn Minh Anh	29/09/2006	1	X		X	
46	049	10C15	Phạm Ngọc Minh Anh	07/09/2006	1				
47	050	10C13	Trần Thị Lan Anh	15/12/2006	1				
48	051	10C15	Nguyễn Cao Bách	03/04/2006	0				
49	052	10C10	Lê Vũ Bằng	03/05/2006	0				
50	053	10C15	Hồ Lê Gia Bảo	04/07/2006	0			X	
51	054	10C15	Hồ Lê Thiên Bảo	04/07/2006	0			X	
52	055	10C08	Lưu Gia Bảo	02/03/2006	0	X		X	
53	056	10C07	Nguyễn Lê Minh Bảo	19/06/2006	0	X	X	X	
54	057	10C11	Nguyễn Quang Bảo	19/07/2006	0			X	
55	058	10C12	Phạm Gia Bảo	22/04/2006	0			X	
56	059	10C13	Bùi Minh Bảo	08/07/2006	0			X	
57	060	10C14	Nguyễn Giang Hoài Bảo	17/04/2006	0			X	
58	061	10C01	Trần Đức Gia Bảo	14/02/2006	0		X	X	
59	062	10C05	Lâm Nguyễn Gia Bảo	19/05/2006	0	X	X	X	
60	063	10C03	Phạm Tấn Bảo	10/04/2006	0		X	X	
61	064	10C09	Hồ La Quý Bảo	18/03/2006	0			X	
62	065	10C01	Hoàng Ngọc Gia Bảo	31/03/2006	0		X	X	
63	066	10C11	Trần Gia Bảo	09/04/2006	0				
64	067	10C06	Vũ Gia Bảo	02/10/2006	0	X	X	X	
65	068	10C06	Nguyễn Thị Ngọc Bích	27/07/2006	1	X	X	X	
66	069	10C12	Đỗ Anh Bình	15/01/2006	0				
67	070	10C04	Hoàng Lê Gia Cát	25/07/2006	0	X	X	X	
68	071	10C11	Vương Ngọc Bảo Châu	06/10/2006	1			X	
69	072	10C10	Lê Nguyễn Bảo Châu	25/01/2006	1			X	
70	073	10C14	Nguyễn Thanh Bảo Châu	22/03/2006	1			X	
71	074	10C06	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	28/10/2006	1	X	X	X	
72	075	10C02	Thôi Hoàng Châu	29/07/2006	1		X	X	
73	076	10C13	Từ Thượng Chí	31/01/2006	0			X	
74	077	10C11	Nguyễn Hiếu Huân Chương	20/03/2006	1			X	
75	078	10C14	Thái Hoàng Thanh Chương	14/06/2006	0				
76	079	10C08	Võ Thành Anh Chương	03/02/2006	0	X		X	
77	080	10C02	Nguyễn Thành Công	14/12/2006	0		X	X	
78	081	10C03	Vũ Nhật Cường	08/01/2006	0		X	X	
79	082	10C01	Trần Đức Cường	01/12/2006	0		X	X	
80	083	10C09	Nguyễn Văn Cường	12/05/2006	0			X	
81	084	10C10	Đỗ Trần Quốc Đại	24/12/2006	0			X	
82	085	10C03	Hồ Ngọc Minh Đăng	15/11/2006	0		X	X	
83	086	10C05	Bùi Hải Đăng	28/02/2006	0	X	X	X	
84	088	10C11	Nguyễn Trần Hữu Danh	14/10/2006	0			X	
85	089	10C03	Trần Thanh Danh	09/02/2006	0		X	X	
86	090	10C12	Bùi Trí Danh	19/05/2006	0			X	
87	091	10C13	Nguyễn Thành Danh	16/04/2006	0			X	
88	092	10C03	Nguyễn Đức Đạt	15/11/2006	0		X	X	
89	093	10C06	Nguyễn Phúc Đạt	15/05/2006	0	X	X		
90	094	10C14	Nguyễn Xuân Đạt	20/12/2006	0			X	
91	095	10C03	Quách Vĩnh Đạt	20/02/2006	0		X	X	
92	096	10C07	Nguyễn Mạnh Đạt	08/03/2006	0	X	X	X	
93	097	10C01	Nguyễn Vương Đạt	07/05/2006	0		X	X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
94	098	10C09	Đỗ Nguyễn Thành Đạt	12/05/2006	0				
95	099	10C06	Huỳnh Duy Di	23/06/2006	0	X	X	X	
96	100	10C10	Võ Văn Đoan	07/04/2006	0			X	
97	101	10C07	Lại Đặng An Du	20/09/2006	0	X	X	X	
98	102	10C01	Trần Tấn Đức	22/12/2006	0		X	X	
99	104	10C06	Trần Nguyễn Xuân Dũng	28/01/2006	0	X	X	X	
100	105	10C11	Huỳnh Ngọc Phi Dũng	26/01/2006	0			X	
101	106	10C12	Nguyễn Tiến Minh Dũng	12/09/2006	0			X	
102	107	10C05	Hoàng Ánh Dương	03/11/2006	1	X	X	X	
103	108	10C13	Nguyễn Khương Duy	15/11/2006	0			X	
104	109	10C14	Lê Duy	08/05/2006	0			X	
105	110	10C15	Nguyễn Anh Duy	28/07/2006	0			X	
106	111	10C10	Nguyễn Nhật Duy	23/09/2006	0			X	
107	112	10C04	Nguyễn Phúc Duy	26/09/2006	0	X	X		
108	114	10C04	Nguyễn Phan Minh Duy	23/08/2006	0	X	X	X	
109	115	10C04	Nguyễn Ngọc Duy	30/09/2006	0	X	X	X	
110	116	10C11	Nguyễn Việt Bảo Duy	02/06/2006	0				
111	117	10C07	Trần Phạm Khương Duy	02/12/2006	0	X	X		
112	118	10C06	Quách Võ Khang Duy	24/09/2006	0	X	X	X	
113	119	10C12	Võ Kim Duyên	11/11/2006	1			X	
114	120	10C02	Lê Thị Minh Duyên	11/06/2006	1		X	X	
115	121	10C04	Lưu Văn Hoàng Gia	01/01/2006	0	X	X	X	
116	122	10C14	Phạm Trà Giang	02/03/2006	1			X	
117	123	10C01	Lê Nguyễn Hoàng Giang	04/12/2006	0		X	X	
118	124	10C12	Trương Nguyễn Tường Giang	06/07/2006	1				
119	125	10C09	Nguyễn Ngọc Giàu	04/08/2006	1			X	
120	126	10C05	Nguyễn Văn Giàu	13/11/2006	0	X	X	X	
121	127	10C09	Phan Thị Ngọc Giàu	24/11/2006	1			X	
122	128	10C11	Đinh Thị Thu Hà	01/12/2006	1			X	
123	129	10C10	Nguyễn Thị Thúy Hà	14/02/2006	1			X	
124	130	10C07	Phạm Thanh Hải	04/07/2006	0	X	X	X	
125	131	10C07	Nguyễn Hoàng Chí Hải	06/03/2006	0	X	X	X	
126	132	10C02	Tăng Chí Hải	23/03/2006	0		X	X	
127	133	10C14	Trần Gia Hân	02/06/2006	1			X	
128	134	10C09	Trần Minh Hân	05/10/2006	1			X	
129	135	10C06	Hồ Gia Hân	08/08/2006	1	X	X	X	
130	136	10C13	Phạm Lê Bảo Hân	26/08/2006	1			X	
131	137	10C10	Phan Gia Hân	06/01/2005	1			X	
132	138	10C11	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	14/09/2006	1			X	
133	139	10C15	Nguyễn Vũ Gia Hân	21/10/2006	1			X	
134	140	10C03	Nguyễn Trần Nguyệt Hằng	06/12/2006	1		X	X	
135	141	10C09	Nguyễn Trương Minh Hằng	03/05/2005	1				
136	142	10C12	Trần Thị Minh Hằng	28/10/2006	1			X	
137	143	10C13	Võ Huỳnh Thanh Hằng	19/01/2006	1			X	
138	144	10C14	Trần Thị Mỹ Hằng	19/07/2006	1				
139	145	10C06	Trần Kim Hạnh	09/01/2006	1	X	X	X	
140	146	10C13	Trịnh Thị Hồng Hạnh	07/12/2006	1			X	
141	148	10C05	Nguyễn Duy Hào	01/02/2006	0	X	X		
142	150	10C12	Trần Văn Hào	21/03/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
143	151	10C05	Đặng Ngọc Minh Hiền	01/05/2006	1	X	X	X	
144	152	10C05	Nguyễn Thu Hiền	09/07/2006	1	X	X	X	
145	153	10C13	Lê Ngọc Hiệp	12/04/2006	0				
146	154	10C14	Trần Quốc Hiệp	27/11/2006	0			X	
147	155	10C15	Nguyễn Minh Hiếu	23/01/2006	0			X	
148	156	10C06	Nguyễn Lê Xuân Hiếu	16/09/2006	0	X	X	X	
149	157	10C01	Huỳnh Trung Hiếu	11/02/2006	0		X	X	
150	158	10C04	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	14/08/2006	0	X	X		
151	159	10C15	Trần Thị Quỳnh Hoa	09/05/2006	1			X	
152	160	10C12	Tân Nhật Hòa	09/09/2006	0				
153	161	10C05	Bùi Đình Hòa	11/04/2006	0	X	X	X	
154	162	10C08	Lê Ngọc Hoài	15/05/2006	1	X		X	
155	163	10C05	Lê Vương Khải Hoàn	29/09/2006	0	X	X	X	
156	164	10C06	Phạm Đỗ Minh Hoàng	25/05/2006	0	X	X	X	
157	166	10C10	Trịnh Phan Huy Hoàng	02/03/2006	0				
158	167	10C07	Vũ Huy Hoàng	15/06/2006	0	X	X		
159	168	10C09	Nguyễn Hoàng Hùng	01/08/2006	0			X	
160	169	10C08	Nguyễn Xuân Hùng	08/12/2006	0	X		X	
161	170	10C02	Thái Trần Mạnh Hùng	10/09/2006	0		X	X	
162	171	10C02	Võ Mạnh Hùng	29/12/2006	0		X	X	
163	172	10C13	Nguyễn Tuấn Hưng	02/12/2006	0			X	
164	173	10C01	Trần Tuấn Hưng	19/11/2006	0		X	X	
165	174	10C09	Dương Quang Hưng	01/01/2006	0			X	
166	175	10C10	Nguyễn Quốc Hưng	01/01/2006	0			X	
167	176	10C10	Nguyễn Vy Hưng	21/04/2006	1			X	
168	177	10C14	Nguyễn Cao Vạn Hưng	26/10/2006	0			X	
169	178	10C06	Đỗ Ngọc Quang Hưng	02/01/2006	0	X	X	X	
170	179	10C15	Lê Yên Hương	18/06/2006	1			X	
171	180	10C01	Ngô Tuyết Hương	25/09/2006	1		X	X	
172	181	10C11	Vũ Thị Thu Hương	22/11/2006	1			X	
173	182	10C06	Bùi Nguyễn Quang Huy	12/08/2006	0	X	X	X	
174	183	10C13	Đặng Quang Huy	22/07/2006	0			X	
175	184	10C06	Đinh Ngọc Huy	13/03/2006	0	X	X	X	
176	185	10C15	Huỳnh Bảo Huy	09/01/2006	0			X	
177	186	10C09	Huỳnh Gia Huy	05/11/2006	0			X	
178	187	10C08	Lê Quốc Huy	17/06/2006	0	X		X	
179	188	10C10	Nguyễn Phạm Viết Huy	23/11/2006	0			X	
180	189	10C05	Nguyễn Xuân Huy	23/10/2006	0	X	X	X	
181	191	10C03	Trần Quang Huy	05/06/2006	0		X	X	
182	192	10C13	Nguyễn Văn Huy	01/12/2006	0			X	
183	193	10C08	Chuang Sỹ Huy	16/07/2006	0	X		X	
184	194	10C02	Trần Quang Huy	08/03/2006	0		X	X	
185	195	10C06	Nguyễn Ngọc Gia Huy	15/09/2006	0	X	X	X	
186	196	10C03	Bùi Quang Huy	27/10/2006	0		X	X	
187	197	10C04	La Gia Huy	10/10/2006	0	X	X	X	
188	198	10C08	Nguyễn Đức Huy	04/07/2006	0	X		X	
189	199	10C08	Nguyễn Ngọc Huy	08/07/2006	0	X		X	
190	200	10C01	Phạm Lê Minh Huy	16/09/2006	0		X	X	
191	201	10C11	Trịnh Minh Huy	04/02/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
192	202	10C07	Trần Đăng Đăng Huy	20/01/2006	0	X	X	X	
193	203	10C14	Phạm Thị Thu Huyền	18/10/2006	1			X	
194	204	10C05	Trương Thị Ngọc Huyền	11/11/2006	1	X	X	X	
195	205	10C05	Lê Trần Nhật Huyền	18/05/2006	1	X	X		
196	206	10C14	Triệu Trác Hy	24/07/2006	0			X	
197	208	10C07	Bùi Đức Khang	29/11/2006	0	X	X	X	
198	209	10C06	Ma Minh Khang	03/11/2006	0	X	X	X	
199	210	10C02	Trần Tuấn Khang	10/10/2006	0		X	X	
200	211	10C04	Phạm Duy Khang	21/08/2006	0	X	X	X	
201	212	10C14	Lê Nguyên Khang	27/04/2006	0			X	
202	213	10C04	Lê Phú Khang	01/05/2006	0	X	X	X	
203	214	10C09	Nguyễn Gia Khang	15/09/2006	0			X	
204	215	10C12	Nguyễn Trí Khang	10/01/2006	0			X	
205	216	10C11	Nguyễn Trần Gia Khanh	09/06/2006	1			X	
206	217	10C02	Đinh Trần Uyên Khanh	02/06/2006	1		X	X	
207	218	10C07	Nguyễn Nhật Khánh	30/03/2006	1	X	X	X	
208	219	10C15	Trần Văn Khánh	11/11/2006	1			X	
209	220	10C03	Bùi Nguyên Gia Khánh	01/04/2006	1		X	X	
210	221	10C12	Trần Nguyễn Đan Khánh	29/03/2006	1			X	
211	222	10C05	Đặng Quan Khánh	07/08/2006	0	X	X	X	
212	223	10C06	Ngô Quốc Khánh	03/03/2006	0	X	X	X	
213	224	10C03	Nguyễn Hoài Khánh	28/08/2006	0		X	X	
214	225	10C10	Nguyễn Tấn Gia Khiêm	21/05/2006	0			X	
215	226	10C05	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	06/01/2006	0	X	X	X	
216	227	10C08	Lê Đăng Anh Khoa	25/04/2006	0	X		X	
217	228	10C03	Nguyễn Anh Khoa	04/10/2006	0		X	X	
218	229	10C12	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	09/11/2006	0			X	
219	230	10C03	Phạm Huỳnh Đăng Khoa	01/03/2006	0		X	X	
220	231	10C08	Võ Đăng Khoa	03/01/2006	0	X		X	
221	232	10C03	Đặng Hoàng Anh Khoa	06/03/2006	0		X	X	
222	233	10C12	Phạm Anh Khoa	23/09/2006	0			X	
223	234	10C02	Phạm Đăng Khoa	08/10/2006	0		X	X	
224	235	10C13	Đỗ Đăng Khoa	10/06/2006	0			X	
225	236	10C15	Trần Tấn Khoa	23/02/2006	0			X	
226	237	10C07	Phạm Đăng Khoa	06/09/2006	0	X	X	X	
227	238	10C01	Lê Nguyễn Tuấn Khoa	16/10/2006	0		X		
228	239	10C05	Ngô Nguyễn Anh Khoa	29/11/2006	0	X	X	X	
229	240	10C15	Nguyễn Anh Khoa	28/08/2006	0			X	
230	241	10C10	Nguyễn Mạnh Đăng Khoa	27/10/2006	0			X	
231	242	10C07	Đỗ Khắc Anh Khôi	25/11/2006	0	X	X	X	
232	243	10C13	Châu Hồng Hoàng Khôi	07/12/2006	0			X	
233	244	10C07	Trần Phùng Nhật Khôi	26/12/2006	0	X	X	X	
234	245	10C14	Trần Thanh Khôi	13/02/2006	0			X	
235	246	10C12	Bùi Lê Đăng Khôi	04/11/2006	0			X	
236	247	10C13	Nguyễn Đình Khôi	29/01/2006	0				
237	248	10C14	Nguyễn Huỳnh Minh Khôi	14/10/2005	0			X	
238	249	10C02	Trần Mạnh Khôi	15/06/2006	0		X	X	
239	250	10C01	Nguyễn Trần Hoàng Khôi	07/01/2006	0		X	X	
240	251	10C15	Trần Đăng Khôi	03/01/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
241	252	10C14	Võ Minh Khởi	17/02/2006	0			X	
242	254	10C05	Trần Nguyễn Sao Khuê	19/05/2006	1	X	X	X	
243	256	10C05	Trần Hữu Khuyến	26/10/2006	0	X	X	X	
244	257	10C15	Nguyễn Anh Hoa Kỳ	14/01/2006	1			X	
245	258	10C06	Phương Trung Kiên	24/01/2006	0	X	X	X	
246	259	10C13	Nguyễn Anh Kiệt	05/08/2006	0			X	
247	260	10C05	Phạm Tuấn Kiệt	07/11/2006	0	X	X	X	
248	261	10C08	Huỳnh Tuấn Kiệt	17/10/2006	0	X		X	
249	262	10C08	Nguyễn Khâu Tuấn Kiệt	21/04/2006	0	X		X	
250	263	10C15	Lai Tấn Kiệt	08/12/2006	0			X	
251	264	10C07	Võ Tuấn Kiệt	16/10/2006	0	X	X	X	
252	266	10C06	Nguyễn Anh Kiệt	28/08/2006	0	X	X	X	
253	267	10C12	Bùi Hoàng Thiên Kim	30/04/2006	1			X	
254	268	10C09	Nguyễn Tử Lam	25/07/2006	0				
255	269	10C07	Nguyễn Hải Lâm	24/06/2006	0	X	X	X	
256	270	10C06	Trần Duy Lâm	14/01/2006	0	X	X	X	
257	271	10C01	Phùng Đắc Lâm	30/10/2006	0		X	X	
258	272	10C15	Nguyễn Huỳnh Duy Lâm	22/07/2006	0			X	
259	273	10C04	Phạm Nguyễn Ngọc Lan	20/03/2006	1		X	X	
260	275	10C14	Huỳnh Nguyễn Khánh Linh	04/06/2006	1			X	
261	276	10C02	Lý Nhật Phương Linh	25/11/2006	1		X	X	
262	277	10C05	Đoàn Ngọc Diệu Linh	31/08/2006	1	X	X	X	
263	278	10C15	Trần Nguyễn Khánh Linh	18/10/2006	1			X	
264	279	10C09	Từ Nguyễn Khánh Linh	02/10/2006	1			X	
265	280	10C07	Đàm Khánh Linh	12/08/2006	1	X	X	X	
266	281	10C10	Đặng Khánh Linh	17/01/2006	1			X	
267	282	10C08	Cao Khánh Linh	20/01/2006	1	X		X	
268	283	10C03	Lê Nguyễn Khánh Linh	25/07/2006	1		X	X	
269	284	10C07	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	09/09/2006	1	X	X	X	
270	285	10C06	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	11/09/2006	1	X	X		
271	286	10C06	Thái Thùy Linh	19/08/2006	1	X	X	X	
272	287	10C08	Lê Ái Như Loan	10/08/2006	1	X		X	
273	288	10C15	Trần Minh Kim Loan	08/12/2006	1			X	
274	289	10C02	Nguyễn Ngọc Bích Loan	29/06/2006	1		X	X	
275	290	10C04	Trần Hiếu Lợi	30/08/2006	1	X	X	X	
276	294	10C07	Nguyễn Hiếu Lực	06/11/2006	0	X	X	X	
277	295	10C03	Đặng Cửu Hoàng Ly	24/09/2006	1		X	X	
278	296	10C07	Nguyễn Trần Thanh Mai	23/09/2006	1	X	X	X	
279	297	10C06	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/09/2006	1	X	X	X	
280	298	10C04	Phùng Quốc Minh	21/05/2006	0	X	X	X	
281	299	10C07	Diệp Hải Minh	10/10/2006	0	X	X	X	
282	300	10C09	Huỳnh Chí Minh	29/10/2006	0			X	
283	301	10C01	Nguyễn Viết Minh	05/10/2006	0		X	X	
284	302	10C09	Đào Thor Minh	21/04/2006	0			X	
285	303	10C04	Hồ Việt Minh	14/09/2006	0	X	X		
286	304	10C12	Trương Cẩm Trang Minh	16/02/2006	0			X	
287	305	10C08	Lâm Nhật Minh	10/11/2006	0	X		X	
288	306	10C08	Lê Phương Thảo My	26/11/2006	1	X		X	
289	307	10C15	Dương Thị Trà My	16/02/2006	1			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
290	308	10C04	Đào Lê Trà My	26/03/2006	1		X	X	
291	309	10C09	Đỗ Uyên My	07/11/2006	1			X	
292	310	10C01	Trần Huỳnh Tú My	03/10/2006	1		X	X	
293	311	10C10	Lê Thị Giáng My	05/11/2006	1			X	
294	313	10C06	Trần Thị Phương My	15/11/2006	1	X	X	X	
295	314	10C02	Đặng Thảo My	09/12/2006	1		X		
296	315	10C03	Đoàn Hà My	08/01/2006	1		X	X	
297	316	10C04	Trần Thảo My	05/08/2006	1		X		
298	317	10C13	Bùi Phan Kỳ Mỹ	13/09/2006	1			X	
299	318	10C14	Phạm Lê Chi Mỹ	29/08/2006	1			X	
300	319	10C01	Trương Gia Mỹ	20/09/2006	1		X	X	
301	321	10C14	Vương Ngọc Nam	01/05/2006	0			X	
302	322	10C12	Bùi Hoàng Nam	07/06/2006	0			X	
303	323	10C12	Nguyễn Hải Nam	28/09/2006	0			X	
304	324	10C02	Trần Hào Nam	23/11/2006	0		X	X	
305	325	10C10	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngân	15/03/2006	1			X	
306	326	10C11	Nguyễn Kim Ngân	08/12/2006	1			X	
307	327	10C15	Nguyễn Đoàn Kim Ngân	27/12/2006	1			X	
308	328	10C02	Hoàng Kim Thiên Ngân	29/06/2006	1		X	X	
309	329	10C10	Lê Nguyễn Kim Ngân	06/07/2006	1			X	
310	330	10C09	Trần Ngọc Kim Ngân	17/09/2006	1			X	
311	331	10C10	Trần Tử Thiên Ngân	15/08/2006	1			X	
312	332	10C03	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	25/01/2006	1		X	X	
313	333	10C05	Nguyễn Thanh Ngân	12/12/2006	1	X	X	X	
314	334	10C12	Trần Hà Thu Ngân	24/11/2006	1				
315	336	10C08	Huỳnh Kim Ngân	02/09/2006	1	X		X	
316	337	10C08	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	18/12/2006	1	X		X	
317	338	10C11	Nguyễn Thị Bích Ngân	25/04/2006	1			X	
318	339	10C11	Vũ Nguyễn Kim Ngân	02/06/2006	1				
319	340	10C11	Giáp Hoàng Bảo Nghi	11/12/2006	1			X	
320	341	10C07	Trương Gia Nghi	01/03/2006	1	X	X	X	
321	342	10C12	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	04/10/2006	1				
322	343	10C02	Trần Tam Nghi	06/06/2006	0		X		
323	344	10C12	Trần Thụy Đông Nghi	05/07/2006	1				
324	345	10C13	Bùi Gia Nghi	07/12/2006	1			X	
325	346	10C09	Phạm Trọng Nghĩa	13/04/2006	0			X	
326	347	10C10	Phạm Trung Nghiêm	02/05/2006	0			X	
327	348	10C11	Nguyễn Đình Nghiêm	29/01/2006	0			X	
328	349	10C08	Lê Trần Bảo Ngọc	13/11/2006	1	X		X	
329	350	10C12	Đoàn Trương Như Ngọc	24/07/2006	1			X	
330	351	10C02	Nguyễn Thái Ngọc	11/12/2006	0		X	X	
331	352	10C03	Võ Hồng Ngọc	18/07/2006	1		X	X	
332	353	10C13	Lê Hoàng Minh Ngọc	21/11/2006	1			X	
333	354	10C13	Võ Hồng Ngọc	04/09/2006	1			X	
334	355	10C05	Nguyễn Lê Mỹ Ngọc	30/04/2006	1	X	X	X	
335	356	10C13	Lữ Hạnh Ý Ngôn	20/01/2006	1			X	
336	357	10C04	Nguyễn Bá Thanh Nguyên	02/07/2006	1		X	X	
337	358	10C07	Đỗ Hàng Phát Nguyên	16/04/2006	0	X	X	X	
338	359	10C09	Đặng Khôi Nguyên	07/05/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
339	360	10C08	Nguyễn Long Nguyên	17/08/2006	0	X		X	
340	361	10C02	Nguyễn Minh Nguyên	05/12/2006	0		X	X	
341	362	10C05	Ngô Hồng Bảo Nguyên	26/09/2006	1	X	X	X	
342	363	10C12	Sầm Trang Nguyên	26/09/2006	1			X	
343	364	10C12	Trần Hạnh Nguyên	22/08/2006	1			X	
344	365	10C08	Bùi Cao Khôi Nguyên	11/08/2006	0	X		X	
345	366	10C01	Đào Minh Nguyên	10/10/2006	0		X	X	
346	368	10C01	Nguyễn Phúc Nguyên	13/09/2006	0		X	X	
347	369	10C14	Nguyễn Thanh Nhã	19/08/2006	0			X	
348	370	10C06	Nguyễn Hiền Nhân	07/08/2006	0	X	X	X	
349	371	10C07	Huỳnh Thiện Nhân	07/02/2006	0	X	X	X	
350	372	10C12	Nguyễn Thành Nhân	19/12/2006	0			X	
351	373	10C13	Quách Trí Nhân	21/12/2006	0			X	
352	374	10C03	Phạm Minh Nhân	06/11/2006	0		X	X	
353	375	10C10	Trần Thượng Nhân	06/07/2006	0				
354	376	10C11	Nguyễn Anh Nhật	17/02/2006	0			X	
355	377	10C02	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	17/12/2006	0		X	X	
356	378	10C08	Nguyễn Minh Nhật	14/05/2006	0	X		X	
357	379	10C06	Thái Võ Quang Nhật	24/10/2006	0	X	X	X	
358	380	10C11	Lê Minh Nhật	05/05/2006	0			X	
359	381	10C03	Lê Minh Nhật	07/03/2006	0		X	X	
360	382	10C03	Nguyễn Minh Nhật	17/09/2006	0		X	X	
361	383	10C10	Đông Xuân Nhi	11/08/2006	1			X	
362	384	10C08	Đinh Hoàng Thủy Nhi	19/09/2006	1	X		X	
363	385	10C11	Đỗ Mẫn Nhi	30/07/2006	1			X	
364	386	10C14	Đỗ Ngọc Kiều Nhi	09/11/2006	1			X	
365	387	10C13	Trần Thụy Yến Nhi	14/02/2006	1			X	
366	388	10C14	Lê Ngọc Yến Nhi	06/08/2006	1			X	
367	389	10C02	Nguyễn Huỳnh Trúc Nhi	02/12/2006	1		X	X	
368	390	10C13	Trần Ngọc Hương Nhi	02/09/2006	1				
369	391	10C14	Trần Nữ Yến Nhi	23/02/2005	1			X	
370	392	10C01	Lê Ngọc Yến Nhi	29/08/2006	1		X	X	
371	393	10C02	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/08/2006	1		X	X	
372	394	10C08	Trần Yến Nhi	22/04/2006	1	X		X	
373	395	10C15	Nguyễn Trần Ngọc Nhi	10/02/2006	1			X	
374	396	10C09	Trần Ngọc Tuyết Nhi	26/09/2006	1			X	
375	397	10C14	Huỳnh Lê Uyên Nhi	09/09/2006	1			X	
376	398	10C03	Huỳnh Phương Yến Nhi	08/04/2006	1		X		
377	399	10C12	Lê Ngọc Thảo Nhi	15/11/2006	1				
378	400	10C09	Lê Ngọc Thu Nhi	15/11/2006	1				
379	401	10C06	Lê Phạm Tuyết Nhi	20/09/2006	1	X	X	X	
380	402	10C05	Phạm Nguyễn Bảo Nhi	08/12/2006	1	X	X	X	
381	403	10C04	Phan Anh Uyên Nhi	18/11/2006	1		X	X	
382	404	10C14	Ngô Phạm Quỳnh Như	27/02/2006	1			X	
383	405	10C10	Nguyễn Tâm Như	27/04/2006	1			X	
384	406	10C07	Nguyễn Thùy Ái Như	10/06/2006	1	X	X	X	
385	407	10C15	Bùi Quỳnh Như	31/07/2006	1			X	
386	408	10C13	Nguyễn Tâm Như	22/10/2006	1			X	
387	409	10C15	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/09/2006	1			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
388	410	10C14	Võ Tuyết Như	07/12/2006	1			X	
389	411	10C11	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	28/09/2006	1			X	
390	412	10C13	Phạm Quỳnh Như	09/06/2006	1				
391	413	10C01	Nguyễn Hoàng Bảo Như	18/08/2006	1		X	X	
392	414	10C01	Nguyễn Ngọc Bảo Như	02/05/2006	1		X	X	
393	415	10C01	Nguyễn Quách Huệ Như	07/04/2006	1		X		
394	416	10C08	Phan Quỳnh Như	10/02/2006	1	X			
395	417	10C14	Trần Kim Hương Như	01/02/2006	1			X	
396	418	10C15	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/03/2005	1			X	
397	419	10C11	Huỳnh Minh Nhựt	02/08/2006	0			X	
398	420	10C03	Trần Minh Nhựt	13/05/2006	0		X	X	
399	421	10C09	Nguyễn Minh Phát	03/09/2006	0			X	
400	422	10C01	Vương Hoài Phát	07/05/2006	0		X	X	
401	423	10C02	Nguyễn Tấn Phát	25/11/2006	0		X	X	
402	424	10C15	Dương Thanh Phong	21/02/2006	0			X	
403	425	10C13	Lê Trần Quốc Phong	25/09/2006	0			X	
404	426	10C14	Ngô Trần Thanh Phong	04/07/2006	0			X	
405	427	10C04	Trương Thanh Phong	06/11/2006	0		X	X	
406	428	10C08	Nguyễn Thiên Phong	14/01/2006	0	X		X	
407	430	10C04	Nguyễn Đình Minh Phú	25/01/2006	0		X	X	
408	431	10C10	Nguyễn Ngọc Phú	27/12/2006	0			X	
409	432	10C01	Dương Hoàng Phú	07/11/2006	0		X	X	
410	433	10C11	Huỳnh Tiến Phúc	12/11/2006	0			X	
411	434	10C10	Lai Thành Phúc	12/03/2006	0			X	
412	435	10C14	Lê Huỳnh Như Phúc	04/09/2006	1			X	
413	436	10C10	Lê Hoàng Phúc	03/03/2006	0			X	
414	437	10C12	Trần Kim Như Phúc	16/12/2006	1			X	
415	438	10C01	Trần Thiện Phúc	14/11/2006	0		X	X	
416	439	10C05	Lê Nguyễn Minh Phúc	03/01/2006	0	X	X	X	
417	440	10C13	Nguyễn Trần Diễm Phúc	22/07/2006	1			X	
418	441	10C04	Huỳnh Ngọc Minh Phúc	10/09/2006	1		X	X	
419	442	10C05	Hoàng Lâm Minh Phúc	28/04/2006	0	X	X	X	
420	443	10C04	Lưu Hoàng Trọng Phúc	03/04/2006	0		X	X	
421	444	10C10	Nguyễn Tấn Phúc	27/03/2006	0				
422	445	10C05	Nguyễn Trần Như Phúc	30/04/2006	1	X	X	X	
423	446	10C11	Trần Mạnh Phúc	09/08/2006	0				
424	447	10C02	Trần Nguyễn Bảo Phúc	03/12/2006	0		X	X	
425	448	10C15	Hoàng Kim Phụng	12/05/2006	1			X	
426	449	10C12	Nguyễn Thị Kim Phụng	20/09/2006	1			X	
427	450	10C11	Lê Hữu Phước	24/01/2006	0			X	
428	451	10C09	Phạm Ngọc Hữu Phước	08/12/2006	0			X	
429	452	10C06	Hoàng Ngọc Phương	03/06/2006	1	X	X		
430	453	10C01	Nguyễn Vũ Liên Phương	29/03/2006	1		X	X	
431	454	10C08	Nguyễn Ngọc Hồng Phương	08/05/2006	1	X		X	
432	455	10C15	Lê Thanh Phương	22/04/2006	1			X	
433	456	10C02	Lưu Nam Phương	06/01/2006	1		X	X	
434	457	10C06	Nguyễn Hoàng Tiểu Phương	27/06/2006	1	X	X	X	
435	458	10C09	Trần Ngọc Uyên Phương	15/01/2006	1			X	
436	459	10C03	Nguyễn Như Phương	18/07/2006	1		X		

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
437	460	10C05	Huỳnh Sỹ Quân	25/05/2006	0	X	X	X	
438	461	10C01	Phạm Minh Quân	28/11/2006	0		X	X	
439	462	10C09	Hứa Lê Minh Quân	19/03/2006	0			X	
440	463	10C08	Mã Minh Quân	10/08/2006	0	X		X	
441	464	10C10	Phạm Dư Minh Quân	20/09/2006	0			X	
442	465	10C05	Dương Anh Quân	18/11/2006	0	X	X	X	
443	466	10C11	Hồ Minh Quân	19/02/2006	0				
444	467	10C07	Trương Minh Quang	01/01/2006	0	X	X	X	
445	468	10C04	Hà Minh Quang	22/10/2006	0		X	X	
446	469	10C15	Nguyễn Xuân Phương Quang	06/05/2006	0			X	
447	470	10C02	Nguyễn Duy Quang	19/04/2006	0		X	X	
448	471	10C10	Lý Hữu Quốc	27/02/2006	0			X	
449	472	10C01	Nguyễn Minh Quốc	05/12/2006	0		X	X	
450	473	10C02	Nguyễn Hoàng Tú Quyên	10/02/2006	1		X	X	
451	474	10C08	Nguyễn Kim Quyên	10/06/2006	1	X			
452	475	10C14	Vũ Trịnh Hồng Quyên	08/05/2006	1			X	
453	476	10C08	Nguyễn Hoàng Bảo Quyên	18/07/2006	1	X		X	
454	477	10C12	Nguyễn Phương Quỳnh	01/05/2006	0				
455	478	10C08	Lê Khánh Quỳnh	20/10/2006	1	X		X	
456	479	10C15	Trần Thục Như Quỳnh	28/01/2006	1			X	
457	480	10C13	Math Ly Rohany	05/09/2005	1			X	
458	481	10C03	Nguyễn Tấn Sang	13/11/2006	0		X	X	
459	482	10C11	Phan Thanh Sang	24/09/2006	0			X	
460	483	10C11	Phạm Thanh Ánh Sáng	05/05/2006	0				
461	484	10C02	Nguyễn Thái Sơn	16/08/2006	0		X	X	
462	485	10C12	Võ Hoàng Sơn	13/05/2006	0			X	
463	486	10C15	Nguyễn Minh Tài	02/08/2006	0			X	
464	487	10C13	Phan Tấn Tài	01/06/2006	0			X	
465	488	10C07	Hoàng Quốc Thái Tài	31/08/2006	0	X	X	X	
466	489	10C02	Lê Văn Tài	05/01/2006	0		X	X	
467	490	10C04	Lô Minh Tâm	26/10/2006	1		X	X	
468	491	10C14	Đỗ Nguyễn Thành Tâm	11/09/2006	0			X	
469	492	10C09	Đỗ Hoàng Minh Tâm	18/01/2006	1				
470	493	10C09	Nguyễn Thanh Tâm	22/06/2006	1			X	
471	494	10C03	Trần Nguyễn Thanh Tâm	02/08/2006	1		X		
472	497	10C09	Phan Lâm Hồng Thắng	10/08/2006	0			X	
473	498	10C04	Đặng Lý Nho Thắng	07/05/2006	0	X	X	X	
474	499	10C05	Trần Đình Thắng	05/02/2006	0	X	X	X	
475	500	10C12	Hồng Nam Thắng	25/09/2006	0				
476	501	10C03	Phan Lê Thiên Thanh	07/07/2006	1		X	X	
477	502	10C10	Tiêu Bảo Thanh	17/10/2006	1			X	
478	503	10C04	Đỗ Trần Nhật Thanh	26/04/2006	1	X	X	X	
479	504	10C09	Nguyễn Nhựt Thanh	25/03/2006	0			X	
480	505	10C15	Hoàng Duy Thanh	18/09/2006	0				
481	506	10C15	Mai Thiên Thanh	15/09/2005	1			X	
482	507	10C01	Nguyễn Kim Thanh	24/12/2006	1		X	X	
483	509	10C08	Quách Phú Thành	23/11/2006	0	X		X	
484	511	10C13	Trương Công Thành	01/09/2006	0			X	
485	512	10C12	Nguyễn Xuân Thành	20/12/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
486	513	10C13	Nguyễn Lê Phú Thành	26/03/2006	0			X	
487	514	10C07	Li Việt Thành	13/10/2006	0	X	X	X	
488	515	10C10	Nguyễn Thanh Thảo	17/11/2006	1			X	
489	516	10C11	Nguyễn Thanh Thảo	22/05/2006	1			X	
490	517	10C01	Thăng Đoàn Tâm Thảo	21/03/2006	1		X	X	
491	518	10C09	Nguyễn Phương Thảo	28/06/2006	1			X	
492	519	10C10	Phạm Thị Ngọc Thảo	02/10/2006	1			X	
493	520	10C10	Trịnh Thanh Thảo	24/11/2006	1			X	
494	521	10C02	Đặng Thị Thanh Thảo	28/09/2006	1		X	X	
495	522	10C01	Phạm Phương Thảo	18/12/2006	1		X		
496	523	10C11	Nguyễn Trần Anh Thi	07/04/2006	1			X	
497	524	10C14	Nguyễn Long Thiên	14/03/2006	0			X	
498	525	10C06	Nguyễn Hoàng Thanh Thiên	13/08/2006	0	X	X	X	
499	526	10C05	Trần Nguyễn Minh Thiên	21/05/2006	0	X	X	X	
500	527	10C10	Lê Ngọc Thiện	28/06/2006	0			X	
501	528	10C02	Nguyễn Quốc Thịnh	19/10/2006	0		X	X	
502	529	10C01	Nguyễn Trường Thịnh	21/11/2006	0		X	X	
503	530	10C13	Hà Hữu Thịnh	26/03/2006	0			X	
504	531	10C14	Trần Hữu Phúc Thịnh	13/08/2006	0			X	
505	532	10C05	Nguyễn Phúc Thịnh	29/04/2006	0	X	X		
506	533	10C09	Lê Hoàng Bảo Thơ	02/03/2006	1			X	
507	534	10C11	Nguyễn Thi Thơ	06/04/2006	1			X	
508	535	10C02	Hồ Minh Thư	25/05/2006	1		X	X	
509	536	10C02	Nguyễn Lý Minh Thư	18/05/2006	1		X	X	
510	537	10C08	Lê Anh Thư	24/03/2006	1	X		X	
511	538	10C11	Nguyễn Thị Anh Thư	14/12/2006	1			X	
512	539	10C07	Mai Anh Thư	03/10/2006	1	X	X	X	
513	540	10C08	Nguyễn Anh Thư	15/04/2006	1	X		X	
514	541	10C06	Trần Lê Anh Thư	07/02/2006	1	X	X	X	
515	542	10C06	Trần Ngọc Anh Thư	22/06/2006	1	X	X	X	
516	543	10C01	Trương Nguyễn Anh Thư	14/10/2006	1		X	X	
517	544	10C01	Lê Minh Thư	25/10/2006	1		X	X	
518	545	10C02	Nguyễn Anh Thư	03/05/2006	1		X	X	
519	546	10C08	Huỳnh Hữu Thúc	23/08/2006	0	X		X	
520	547	10C15	Lê Thị Hoài Thương	20/10/2006	1			X	
521	548	10C14	Võ Thụy Minh Thùy	15/07/2006	1			X	
522	549	10C12	Đỗ Vân Thùy	14/08/2006	1			X	
523	550	10C04	Nguyễn Trần Việt Thy	05/12/2006	1		X	X	
524	551	10C04	Phan Hồng Thy	09/06/2006	1		X	X	
525	552	10C02	Trịnh Mai Thy	27/06/2006	1		X	X	
526	553	10C02	Lê Hoàng Anh Thy	01/07/2006	1		X	X	
527	554	10C11	Lê Đỗ Minh Thy	01/01/2006	1				
528	555	10C08	Trần Mai Ánh Tiên	29/12/2006	1	X		X	
529	556	10C13	Phạm Đình Thủy Tiên	07/12/2006	1			X	
530	557	10C09	Nguyễn Anh Tiên	20/09/2006	1			X	
531	558	10C05	Lê Nguyễn Quỳnh Tiên	07/11/2006	1	X	X	X	
532	559	10C11	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	14/07/2006	1			X	
533	560	10C03	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	10/03/2006	1		X	X	
534	561	10C06	Nguyễn Anh Tiến	14/09/2006	0	X	X	X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
535	562	10C09	Trần Hữu Tiến	23/05/2006	0			X	
536	563	10C12	Nguyễn Thanh Tiếng	12/11/2005	0			X	
537	564	10C01	Lê Nguyễn Trung Tín	13/04/2006	0		X	X	
538	565	10C08	Nguyễn Trọng Tính	26/05/2006	0	X		X	
539	566	10C15	Nguyễn Minh Toàn	24/11/2005	0			X	
540	567	10C09	Trương Quỳnh Trâm	08/02/2006	1			X	
541	568	10C12	Nguyễn Thị Huyền Trâm	04/10/2006	1			X	
542	569	10C04	Nguyễn Hà Phương Trâm	23/08/2006	1		X	X	
543	570	10C05	Đặng Ngọc Trâm	27/09/2006	1	X	X	X	
544	571	10C08	Lê Hoàng Phương Trâm	17/06/2006	1	X		X	
545	572	10C14	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	10/09/2006	1			X	
546	573	10C11	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	24/12/2006	1			X	
547	574	10C08	Vũ Phương Trâm	30/06/2006	1	X		X	
548	575	10C02	Nguyễn Bảo Trân	10/02/2006	1		X	X	
549	576	10C10	Nguyễn Nữ Bảo Trân	08/01/2006	1			X	
550	577	10C05	Bùi Thanh Bảo Trân	17/03/2006	1	X	X	X	
551	578	10C04	Nguyễn Cao Bảo Trân	18/03/2006	1	X	X		
552	579	10C12	Phạm Ngọc Bảo Trân	20/07/2006	1				
553	581	10C14	Nguyễn Thị Đoan Trang	24/05/2006	1				
554	582	10C10	Nguyễn Linh Trang	20/03/2006	1			X	
555	583	10C13	Đặng Phương Trang	15/04/2006	1			X	
556	584	10C13	Nguyễn Thanh Mai Trang	22/11/2006	1			X	
557	585	10C04	Nguyễn Ngọc Yến Trang	12/12/2006	1	X	X	X	
558	586	10C06	Nguyễn Phan Minh Trí	13/05/2006	0	X	X	X	
559	587	10C06	Lê Minh Trí	16/11/2006	0	X	X	X	
560	588	10C03	Nguyễn Tú Minh Trí	22/11/2006	0		X	X	
561	589	10C08	Phạm Đình Trí	11/07/2006	0			X	
562	590	10C04	Phạm Huỳnh Đức Trí	09/10/2006	0	X	X	X	
563	591	10C05	Hà Nguyễn Minh Trí	09/01/2006	0	X	X	X	
564	592	10C13	Lê Minh Trí	07/02/2006	0			X	
565	593	10C04	Nguyễn Ngọc Hoàng Trí	18/10/2006	0	X	X	X	
566	594	10C14	Nguyễn Minh Trí	14/06/2006	0				
567	595	10C14	Trần Đông Trí	06/08/2006	0			X	
568	596	10C04	Trần Đức Trí	04/02/2006	0		X	X	
569	597	10C08	Nguyễn Minh Triết	20/08/2006	0	X		X	
570	598	10C08	Đặng Minh Triết	19/12/2006	0	X		X	
571	599	10C15	Hoàng Minh Triết	27/05/2006	0			X	
572	600	10C02	Trần Minh Triết	02/11/2006	0		X	X	
573	601	10C05	Mai Nguyễn Minh Triết	04/12/2006	0	X	X	X	
574	602	10C15	Nguyễn Minh Triết	22/08/2006	0			X	
575	603	10C11	Nguyễn Hải Vân Trinh	31/12/2006	1			X	
576	604	10C12	Tăng Hoàng Ngọc Trinh	25/09/2006	1				
577	606	10C02	Nguyễn Phước Quý Trọng	16/07/2006	0		X	X	
578	607	10C01	Đoàn Minh Trúc	03/05/2006	1		X	X	
579	608	10C13	Lê Hoàng Thanh Trúc	14/11/2006	1			X	
580	609	10C06	Nguyễn Kim Thanh Trúc	03/04/2006	1	X	X	X	
581	610	10C15	Mai Thanh Trúc	04/05/2006	1			X	
582	611	10C15	Nguyễn Quốc Trung	19/01/2006	0			X	
583	612	10C10	Trịnh Phú Trường	20/12/2006	0			X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
584	613	10C01	Đỗ Anh Tú	09/07/2006	0		X	X	
585	614	10C15	Đỗ Nguyễn Minh Tú	01/09/2006	0			X	
586	615	10C03	Lê Thị Minh Tú	09/07/2006	1		X	X	
587	616	10C03	Trương Thụy Cẩm Tú	29/09/2006	1		X	X	
588	617	10C07	Phạm Duy Anh Tú	11/07/2006	0	X	X	X	
589	618	10C05	Trần Nguyên Tú	24/04/2006	1	X	X	X	
590	619	10C11	Bùi Hoàng Tuấn	14/09/2006	0			X	
591	620	10C10	Đinh Lê Hoàng Tuấn	08/06/2006	0			X	
592	621	10C14	Vũ Minh Tuấn	27/11/2006	0			X	
593	622	10C09	Nguyễn Đỗ Thành Tuấn	25/01/2006	0			X	
594	623	10C09	Thái Bảo Gia Tuệ	03/10/2006	1			X	
595	624	10C12	Phạm Thái Tuệ	01/07/2006	1				
596	625	10C04	Huỳnh Ngọc Cát Tường	06/07/2006	1	X	X	X	
597	626	10C13	Huỳnh Lưu Lợi Tuyền	24/06/2006	1			X	
598	627	10C01	Dương Phương Uyên	26/04/2006	1		X	X	
599	628	10C02	Nguyễn Hoàng Khánh Uyên	02/05/2006	1		X	X	
600	630	10C11	Trần Thanh Uyên	20/03/2006	1			X	
601	631	10C10	Phạm Duy Tân Uyên Uyên	25/10/2006	1			X	
602	632	10C15	Đào Huỳnh Tú Uyên	04/05/2006	1			X	
603	633	10C03	Đinh Ngọc Phương Uyên	12/05/2006	1		X	X	
604	634	10C01	Hoàng Nhã Uyên	30/07/2006	1		X	X	
605	635	10C04	Nguyễn Nhật Phương Uyên	24/05/2006	1		X		
606	637	10C11	Lâm Thanh Vân	20/11/2006	1				
607	638	10C07	Nguyễn Vũ Khánh Vân	02/01/2006	1	X	X	X	
608	639	10C06	Nguyễn Hoàng Anh Vi	14/01/2006	1	X	X	X	
609	640	10C06	Nguyễn Thị Viên	11/08/2006	1	X	X	X	
610	641	10C05	Phạm Quốc Việt	03/07/2006	0	X	X	X	
611	642	10C04	Nguyễn Vũ Quốc Việt	10/10/2006	0	X	X	X	
612	643	10C11	Lưu Thế Vinh	22/09/2006	0				
613	644	10C08	Nguyễn Quang Vinh	15/02/2006	0	X		X	
614	645	10C06	Nguyễn Huỳnh Quang Vinh	08/06/2006	0	X	X		
615	646	10C04	Nguyễn Hoàng Vũ	31/12/2006	0		X	X	
616	647	10C15	Âu Lê Quang Vũ	09/11/2006	0			X	
617	648	10C12	Nguyễn Hoàng Vũ	03/01/2006	0			X	
618	649	10C06	Phạm Văn Vui	19/03/2006	0	X	X		
619	650	10C04	Đỗ Quốc Vương	25/02/2006	0	X	X	X	
620	651	10C06	Nguyễn Lê Tường Vy	27/10/2006	1	X	X	X	
621	652	10C14	Phạm Ngọc Thảo Vy	26/07/2006	1			X	
622	653	10C14	Trần Mỹ Phương Vy	14/09/2006	1			X	
623	654	10C03	Bùi Nguyễn Hạ Vy	26/11/2006	1		X	X	
624	655	10C15	Hồ Nhật Vy	27/10/2006	1			X	
625	656	10C12	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	23/03/2006	1			X	
626	657	10C13	Nguyễn Thanh Xuân Vy	20/01/2006	1			X	
627	658	10C02	Châu Võ Tường Vy	14/08/2006	1		X	X	
628	659	10C14	Mai Tuyết Vy	25/12/2006	1			X	
629	660	10C14	Võ Nguyễn Tường Vy	23/10/2006	1			X	
630	661	10C15	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	03/01/2006	1			X	
631	662	10C03	Phạm Nguyễn Tường Vy	19/08/2006	1		X		
632	663	10C08	Hoàng Lê Uyên Vy	03/02/2006	1	X		X	

Stt	STT Hồ Sơ	LỚP	Họ và tên	Ngày sinh	GT	ĐK Bán trú	Giao tiếp Tiếng Anh	Số LLĐT	Ghi chú
633	664	10C15	Hoàng Thanh Vy	05/04/2006	1			X	
634	665	10C03	Lê Ngô Bảo Vy	22/03/2005	1		X	X	
635	666	10C01	Nguyễn Ngọc Lan Vy	25/07/2006	1		X	X	
636	667	10C04	Nguyễn Ngọc Minh Vy	09/08/2006	1		X	X	
637	668	10C12	Phùng Ngọc Thảo Vy	14/03/2006	1				
638	669	10C07	Trần Thụy Thảo Vy	09/12/2006	1	X	X	X	
639	670	10C03	Lê Nguyễn Tường Vy	13/11/2006	1		X	X	
640	671	10C13	Lê Nguyễn Kỳ Vy	18/06/2006	0			X	
641	672	10C14	Lương Hoàng Vỹ	13/12/2006	0			X	
642	673	10C12	Trần Ngọc Kim Xuân	17/09/2006	1				
643	674	10C13	Huỳnh Ngọc Như Ý	27/10/2006	1			X	
644	675	10C15	Lê Vũ Như Ý	24/09/2005	1			X	
645	676	10C10	Nguyễn Như Ý	10/09/2006	1			X	
646	677	10C03	Nguyễn Hoàng Như Ý	27/10/2006	1		X	X	
647	678	10C13	Đào Hải Yến	10/11/2006	1			X	
648	679	10C07	Trần Phúc Hưng	03/07/2005	0	X	X	X	
649	680	10C03	Nguyễn Quốc Thắng	07/10/2006	0		X	X	
650	681	10C10	Lê Nguyễn Bình Minh	07/04/2006	0			X	
651	682	10C10	Đặng Nhã Nguyên	07/12/2005	1			X	
652	683	10C11	Lê Minh Khang	09/02/2004	0				
653	684	10C11	Trần Thanh Huy	17/09/2005	0			X	
654	685	10C03	Vũ Việt Anh	17/11/2005	0		X	X	
655	686	10C09	Đỗ Quốc Huy	20/06/2006	0			X	
656	687	10C09	Phạm Ngọc Gia Huyền	10/09/2004	1			X	
657	688	10C07	Lê Đức Anh	26/06/2006	0	X	X	X	
658	689	10C07	Lê Văn Tiến Phát	01/01/2005	0	X	X	X	
659	690	10C09	Lê Khôi Nguyên	21/10/2005	0			X	
660	C06	10C08	Trương Quân Bảo	02/07/2005	0			X	
661	C07	10C11	Lê Đức Anh	08/08/2005	0			X	
662	C07	10C10	Nguyễn Thị Mỹ Linh	10/05/2005	1			X	
663	C07	10C11	Nguyễn Gia Minh	19/02/2005	1			X	
664	C07	10C12	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	21/03/2005	1			X	
665	C07	10C13	Huỳnh Nguyên Phương	17/04/2005	0			X	
666	C09	10C14	Lâm Nguyễn Tấn Lộc	26/04/2005	0			X	
667	C09	10C15	Nguyễn Hỷ Minh Quân	16/10/2005	0			X	
668	C11	10C10	Trương Phan Nhĩ Khang	09/07/2005	0			X	
669	C14	10C09	Huỳnh Trung Kiên	09/09/2005	0			X	